

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY ĐÔ

LỊCH THI HỌC KỲ 1 - NĂM HỌC 2009 - 2010
(CÁC LỚP KHÓA 3)

Địa điểm: Trường Đại Học Tây Đô - Cái Răng

NGÀY THI	GIỜ THI	MÔN THI	LỚP	SV	SV	SV	PHÒNG THI	GIẢNG VIÊN	ĐƠN VỊ	CÁN BỘ COI THI
Thứ Ba 19/01/10	7g-9g	Anh văn căn bản 3	NH3A	151	50	1-50	B1	Huỳnh Thị Mỹ Duyên		
					50	51-100	B2	Huỳnh Thị Mỹ Duyên		
					51	101-151	B3	Huỳnh Thị Mỹ Duyên		
		Anh văn căn bản 3	NH3B	164	50	1-50	B4	Huỳnh Thị Tuyết Hồng		
					50	51-100	B5	Huỳnh Thị Tuyết Hồng		
					50	101-150	B6	Huỳnh Thị Tuyết Hồng		
		Anh văn căn bản 3	NH3C	134	50	1-50	B7	Châu Thanh Hải		
					50	51-100	B8	Châu Thanh Hải		
					34	101-134	C1	Châu Thanh Hải		
		Anh văn căn bản 3	QT3A	140	50	1-50	C2	Nguyễn Thị Thúy Hằng		
					50	51-100	C3	Nguyễn Thị Thúy Hằng		
					40	101-140	C4	Nguyễn Thị Thúy Hằng		
		Anh văn căn bản 3	QT3B		45	1-45	C5	Đoàn Thị Minh Uyên		

		Ảnh văn căn bản 3	QT3B		45	1-45	C3	Phan Thị Minh Uyên		
Thứ Ba 19/01/10	7g-9g	Ảnh văn căn bản 3	QT3B	130	45	46-90	A15	Phan Thị Minh Uyên		
					40	91-130	A16	Phan Thị Minh Uyên		
		Ảnh văn căn bản 3	QT3C	108	40	1-40	D31	Đặng Thị Hạnh		
					40	41-80	D32	Đặng Thị Hạnh		
		Ảnh văn căn bản 3	NH3B		14	151-164	D33	Huỳnh Thị Tuyết Hồng		
		Ảnh văn căn bản 3	QT3C		28	81-108		Đặng Thị Hạnh		
	Ảnh văn căn bản 3	NTTS3	136	45	1-45	D34	Huỳnh Nguyễn Bảo Ngọc			
				45	46-90	D35	Huỳnh Nguyễn Bảo Ngọc			
				46	91-136	D36	Huỳnh Nguyễn Bảo Ngọc			
	9g-11g	Ảnh văn căn bản 3	KT3A	129	45	1-45	B1	Nguyễn Hiệp Thanh Nga		
					45	46-90	B2	Nguyễn Hiệp Thanh Nga		
					39	91-129	B3	Nguyễn Hiệp Thanh Nga		
		Ảnh văn căn bản 3	KT3B	92	45	1-45	B4	Nguyễn Hiệp Thanh Nga		
					47	46-92	B5	Nguyễn Hiệp Thanh Nga		
		Ảnh văn căn bản 3	KT3C	123	45	1-40	B6	Nguyễn Thị Thúy Hằng		
45					41-80	B7	Nguyễn Thị Thúy Hằng			

					33	81-123	B8	Nguyễn Thị Thúy Hằng		
Thứ Ba 19/01/10	9g- 11g	Anh văn căn bản 3	ĐT3	55	40	1-40	C1	Lê Thị Nết		
		Anh văn căn bản 3	TH3	75	40	1-40	C2	Nguyễn Thị Kim Oanh		
		Anh văn căn bản 3	ĐT3		15	41-55	C3	Nguyễn Thị Kim Oanh		
			TH3	35	41-75	Lê Thị Nết				
		Anh văn căn bản 3	XD3	98	50	1-50	C4	Nguyễn Thị Thu Hà		
					48	51-48	C5	Nguyễn Thị Thu Hà		
		Anh văn căn bản 3	VH3	113	40	1-40	A15	Trần Bá Kiêm		
					40	41-80	A16	Trần Bá Kiêm		
					33	81-113	D31	Trần Bá Kiêm		
		Anh văn căn bản 3	DL3	159	40	1-40	D32	Phạm Thị Kim Hồng		
	40				41-80	D33	Phạm Thị Kim Hồng			
	40				81-120	D34	Phạm Thị Kim Hồng			
	39				121-159	D35	Phạm Thị Kim Hồng			
	13g- 15g	Anh văn căn bản 3	CĐKT3A	77	40	1-40	B1	Lê Văn Lành		
					37	41-77	B2	Lê Văn Lành		
					50	1-50	B2	Trương Nguyễn Quỳnh		

		Anh văn căn bản 3	CĐKT3B	98	48	51-98	B4	Như Trương Nguyễn Quỳnh Như		
Thứ Ba 19/01/10	13g- 15g	Anh văn căn bản 3	CĐQT3A	78	40	1-40	B5	Trần Quốc Thắng		
					38	41-78	B6	Trần Quốc Thắng		
		Anh văn căn bản 3	CĐQT3B	100	50	1-50	B7	Nguyễn Hồng Hoa		
					50	51-100	B8	Nguyễn Hồng Hoa		
		Anh văn căn bản 3	CĐTH3	99	50	1-50	C1	Mai Thành Hiệp		
					49	51-49	C2	Mai Thành Hiệp		
	Anh văn căn bản 3	CĐXD3	79	40	1-40	C3	Hồ Thu Thanh			
				39	41-79	C4	Hồ Thu Thanh			
	15g- 17g	Tiếng Anh Du lịch	AV3A	56	40	1-40	B1	Huỳnh Ng. Bảo Ngọc		
			AV3B		40	1-40	B2	Huỳnh Ng. Bảo Ngọc		
		Tiếng Anh Du lịch	AV3A	60	16	41-56	B3	Huỳnh Ng. Bảo Ngọc		
			AV3B		20	41-60		Huỳnh Ng. Bảo Ngọc		
Các dân tộc ở Việt Nam		TCDL3		12	1-12		Lê Thị Mai Hương			
Marketing căn bản		TCKT3A	82	40	1-40	B4	Đinh Vũ Long			
	42			41-82	B5	Đinh Vũ Long				

		Marketing căn bản	TCKT3B	86	45	1-40	B6	Đinh Vũ Long		
					41	46-86	B7	Đinh Vũ Long		
Thứ Ba 19/01/10	15g-17g	Kiến trúc máy tính	TCTH3	88	45	1-45	B8	Đặng Văn Sơn		
					43	46-88	A16	Đặng Văn Sơn		
Thứ Năm 21/01/10	7g-9g	Kinh tế vi mô	NH3A	151	50	1-50	B1	Lê Khương Ninh		
					50	51-100	B2	Lê Khương Ninh		
					51	101-151	B3	Lê Khương Ninh		
		Kinh tế vi mô	NH3B	164	50	1-50	B4	Nguyễn Văn Dũng		
					50	51-100	B5	Nguyễn Văn Dũng		
					50	101-150	B6	Nguyễn Văn Dũng		
		Kinh tế vi mô	NH3C	134	50	1-50	B7	Nguyễn Văn Dũng		
					50	51-100	B8	Nguyễn Văn Dũng		
					34	101-134	C1	Nguyễn Văn Dũng		
		Kinh tế vi mô	KT3B	92	45	1-45	C2	Nguyễn Văn Dũng		
					47	46-92	C3	Nguyễn Văn Dũng		
		Kinh tế vi mô	QT3A	140	50	1-50	C4	Nguyễn Văn Dũng		
50	51-100				C5	Nguyễn Văn Dũng				

				40	101-140	A15	Nguyễn Văn Dũng		
		Kinh tế vi mô	QT3B	130	45	1-45	A16	Trương Quốc Khải	
					45	46-90	D31	Trương Quốc Khải	
		Kinh tế vi mô	QT3B		40	91-130	D32	Trương Quốc Khải	
	7g-9g	Kinh tế vi mô	QT3C	108	40	1-40	D33	Trương Quốc Khải	
40					41-80	D34	Trương Quốc Khải		
Kinh tế vi mô		NH3B	14		151-164	D35	Nguyễn Văn Dũng		
		QT3C	28		81-108		Trương Quốc Khải		
	9g-11g	Kinh tế vi mô	KT3A	129	45	1-45	B1	Nguyễn Thúy Hằng	
					45	46-90	B2	Nguyễn Thúy Hằng	
					39	91-129	B3	Nguyễn Thúy Hằng	
		Kinh tế vi mô	KT3C	123	45	1-40	B4	Nguyễn Thúy Hằng	
					45	41-80	B5	Nguyễn Thúy Hằng	
					33	81-123	B6	Nguyễn Thúy Hằng	
	Lý thuyết mạch (điện-điện tử)	ĐT3	55	40	1-40	B7	Nguyễn Việt Hùng		
	Internet	TH3	75	40	1-40	B8	Nguyễn Chí Cường		
	Lý thuyết mạch (điện-điện tử)	ĐT3		15	41-55	C1	Nguyễn Việt Hùng		
	Internet	TH3		35	41-75		Nguyễn Chí Cường		
					50	1-50	C2	Nguyễn Thị Vân Học	

		Hình họa và vẽ kỹ thuật xây dựng và Bài tập lớn	XD3	98	30	1-30	C2	Nguyễn Thị Vân Hoa		
					48	51-48	C3	Nguyễn Thị Vân Hoa		
		Logic học đại cương B	VH3	113	40	1-40	C4	Nguyễn Thành Nhân		
					40	41-80	C5	Nguyễn Thành Nhân		
	9g-11g	Logic học đại cương B	VH3		33	81-113	A15	Nguyễn Thành Nhân		
					40	1-40	A16	Danh Phan Hoàng Yến		
		Tiếng Việt thực hành	DL3	159	40	41-80	D31	Danh Phan Hoàng Yến		
					40	81-120	D32	Danh Phan Hoàng Yến		
					39	121-159	D33	Danh Phan Hoàng Yến		
Thứ Năm 21/01/11	13g-15g	Kinh tế vĩ mô	CĐKT3A	77	40	1-40	B1	Nguyễn Thành Hưng		
					37	41-77	B2	Nguyễn Thành Hưng		
		Kinh tế vĩ mô	CĐKT3B	98	50	1-50	B3	Nguyễn Thành Hưng		
					48	51-98	B4	Nguyễn Thành Hưng		
	Kinh tế vĩ mô	CĐQT3A	78	40	1-40	B5	Nguyễn Thành Hưng			
				38	41-78	B6	Nguyễn Thành Hưng			
	Kinh tế vĩ mô	CĐQT3B	100	50	1-50	B7	Nguyễn Thành Hưng			
				50	51-100	B8	Nguyễn Thành Hưng			

	15g-17g	Internet	CĐTH3	99	50	1-50	B1	Nguyễn Chí Cường		
					49	51-49	B2	Nguyễn Chí Cường		
		Hình họa và vẽ kỹ thuật xây dựng và Bài tập lớn	CĐXD3	79	40	1-40	B3	Nguyễn Thị Vân Hoa		
					39	41-79	B4	Nguyễn Thị Vân Hoa		
Thứ Năm 21/01/11	15g-17g	Pháp văn 3	AV3A	56	40	1-40	B5	Lê Ngọc Điệp		
		Pháp văn 3	AV3B	60	40	1-40	B6	Lê Ngọc Điệp		
		Pháp văn 3	AV3A		16	41-56	B7	Lê Ngọc Điệp		
			AV3B	20	41-60					
Hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server	TCTH3	88	45	1-45	B8	Âu Ng. Thảo Nguyên				
			43	46-88	A16	Âu Ng. Thảo Nguyên				
Thứ Bảy 23/01/10	7g-9g	Tư tưởng HCM	NH3A		50	1-50	B1	Phạm Phi Hùng		
					50	51-100	B2	Phạm Phi Hùng		
					51	101-151	B3	Phạm Phi Hùng		
		Tư tưởng HCM	NH3B		50	1-50	B4	Phạm Phi Hùng		
					50	51-100	B5	Phạm Phi Hùng		
					50	101-150	B6	Phạm Phi Hùng		
		Tư tưởng HCM	NH3C		50	1-50	B7	Phạm Phi Hùng		
					50	51-100	B8	Phạm Phi Hùng		

				Đo	Phạm Phi Hùng			
	Tư tưởng HCM	NH3B	14	151-164	C1	Phạm Phi Hùng		
		NH3C	34	101-134				
	Tư tưởng HCM	KT3A		45	1-45	C2	Phạm Phi Hùng	
			45	46-90	C3	Phạm Phi Hùng		
			39	91-129	C4	Phạm Phi Hùng		
7g-9g	Tư tưởng HCM	KT3B		45	1-45	C5	Trần Xuân Lập	
				47	46-92	A15	Trần Xuân Lập	
	Tư tưởng HCM	KT3C		45	1-40	A16	Trần Xuân Lập	
				45	41-80	D31	Trần Xuân Lập	
				33	81-123	D32	Trần Xuân Lập	
	Tư tưởng HCM	NTTS3		45	1-45	D33	Nguyễn Thị Kim Chi	
				45	46-90	D34	Nguyễn Thị Kim Chi	
				46	91-136	D35	Nguyễn Thị Kim Chi	
	Thứ Bảy 23/01/10	Tư tưởng HCM	QT3A		50	1-50	B1	Đặng Văn Thạn
				50	51-100	B2	Đặng Văn Thạn	
				40	101-140	B3	Đặng Văn Thạn	
Tư tưởng HCM		QT3B		45	1-45	B4	Đặng Văn Thạn	
				45	46-90	B5	Đặng Văn Thạn	

9g-11g	Tư tưởng HCM	QT3B	40	91-130	B6	Đặng Văn Thạn		
	Tư tưởng HCM	QT3C	40	1-40	B7	Đặng Văn Thạn		
	Tư tưởng HCM	QT3C	40	41-80	B8	Đặng Văn Thạn		
	Tư tưởng HCM	QT3C	28	81-108	C1	Đặng Văn Thạn		
	Tư tưởng HCM	ĐT3	40	1-40	C2	Trần Kim Trung		
9g-11g	Tư tưởng HCM	TH3	40	1-40	C3	Đặng Văn Thạn		
	Tư tưởng HCM	ĐT3	15	41-55	C4	Trần Kim Trung		
		TH3	35	41-75		Đặng Văn Thạn		
	Tư tưởng HCM	XD3	50	1-50	C5	Trần Kim Trung		
			48	51-48	A15	Trần Kim Trung		
	Tư tưởng HCM	AV3A	40	1-40	A16	Đinh Văn Phương		
	Tư tưởng HCM	AV3B	40	1-40	D31	Đinh Văn Phương		
	Tư tưởng HCM	AV3A	16	41-56	D32	Đinh Văn Phương		
		AV3B	20	41-60		Đinh Văn Phương		
	Tư tưởng HCM	DL3	40	1-40	D33	Nguyễn Thị Kim Chi		
			40	41-80	D34	Nguyễn Thị Kim Chi		
40			81-120	D35	Nguyễn Thị Kim Chi			
39			121-159	D36	Nguyễn Thị Kim Chi			
Thứ Bảy 23/01/10								

13g-15g	Tư tưởng HCM	CĐKT3A	40	1-40	B1	Đỗ Văn Minh			
			37	41-77	B2	Đỗ Văn Minh			
	Tư tưởng HCM	CĐKT3B	50	1-50	B3	Đỗ Văn Minh			
			48	51-98	B4	Đỗ Văn Minh			
	Tư tưởng HCM	CĐQT3A	40	1-40	B5	Đỗ Văn Minh			
			38	41-78	B6	Đỗ Văn Minh			
	13g-15g	Tư tưởng HCM	CĐQT3B	50	1-50	B7	Đỗ Văn Minh		
				50	51-100	B8	Đỗ Văn Minh		
		Tư tưởng HCM	CĐTH3	50	1-50	C1	Phạm Văn Búa		
49				51-49	C2	Phạm Văn Búa			
Tư tưởng HCM		CĐXD3	40	1-40	C3	Phạm Văn Búa			
			39	41-79	C4	Phạm Văn Búa			
Thứ Bảy 23/01/10	Hán Nôm 2A	VH3	40	1-40	B1	Cô Bích			
			40	41-80	B2	Cô Bích			
	Hán Nôm 2A	VH3	33	81-113	B3	Cô Bích			
	Du lịch văn hóa Việt Nam	TCDL3	12	1-12		Lê Văn Hiệu			
	Kế toán tài chính 1	TCKT3A	40	1-40	B4	Trần Thúy Nghiệm			

15g-17g	Kế toán tài chính 1	TCKT3A	42	41-82	B5	Trần Thúy Nghiệm			
			45	1-40	B6	Trần Thúy Nghiệm			
		Kế toán tài chính 1	TCKT3B	41	46-86	B7	Trần Thúy Nghiệm		
				45	1-45	B8	Đặng Quốc Việt		
		Hệ cơ sở dữ liệu	TCTH3	43	46-88	C1	Đặng Quốc Việt		
Thứ Ba 26/01/10	7g-9g	Toán kinh tế	NH3A	50	1-50	B1	Nguyễn Văn Duyệt		
				50	51-100	B2	Nguyễn Văn Duyệt		
Thứ Ba 26/01/10	7g-9g	Toán kinh tế	NH3A	51	101-151	B3	Nguyễn Văn Duyệt		
		Toán kinh tế	NH3B	50	1-50	B4	Phan Thị Ngọc Khuyên		
				50	51-100	B5	Phan Thị Ngọc Khuyên		
				50	101-150	B6	Phan Thị Ngọc Khuyên		
		Toán kinh tế	NH3C	50	1-50	B7	Nguyễn Văn Duyệt		
				50	51-100	B8	Nguyễn Văn Duyệt		
		Toán kinh tế	NH3B	14	151-164	C1	Phan Thị Ngọc Khuyên		
			NH3C	34	101-134		Nguyễn Văn Duyệt		
		Toán kinh tế	KT3A	45	1-45	C2	Nguyễn Văn Duyệt		
				45	46-90	C3	Nguyễn Văn Duyệt		

				39	91-129	C4	Nguyễn Văn Duyệt		
				45	1-45	C5	Phan Thị Ngọc Khuyên		
				47	46-92	A15	Phan Thị Ngọc Khuyên		
				45	1-40	A16	Nguyễn Văn Duyệt		
				45	41-80	D31	Nguyễn Văn Duyệt		
				33	81-123	D32	Nguyễn Văn Duyệt		
				45	1-45	D33	Huỳnh Kim Liên		
				45	46-90	D34	Huỳnh Kim Liên		
				46	91-136	D35	Huỳnh Kim Liên		
				50	1-50	B1	Nguyễn P. Thanh Nam		
				50	51-100	B2	Nguyễn P. Thanh Nam		
				40	101-140	B3	Nguyễn P. Thanh Nam		
				45	1-45	B4	Nguyễn P. Thanh Nam		
				45	46-90	B5	Nguyễn P. Thanh Nam		
				40	91-130	B6	Nguyễn P. Thanh Nam		
				40	1-40	B7	Nguyễn P. Thanh Nam		
				40	41-80	B8	Nguyễn P. Thanh Nam		

9g-11g			28	81-108	C1	Nguyễn P. Thanh Nam		
	Hàm phức	ĐT3	40	1-40	C2	Nguyễn Như Lâm		
	Nhập môn điện tử học	TH3	40	1-40	C3	Nguyễn Việt Hùng		
	Hàm phức	ĐT3	15	41-55	C4	Nguyễn Như Lâm		
	Nhập môn điện tử học	TH3	35	41-75		Nguyễn Việt Hùng		
	Vi tích phân A2	XD3	50	1-50	C5	Nguyễn Như Lâm		
			48	51-48	A15	Nguyễn Như Lâm		
	Viết 3	AV3A	40	1-40	A16	Nguyễn Thị Cẩm Vân		
Viết 3	AV3B	40	1-40	D31	Nguyễn Thị Cẩm Vân			
9g-11g	Viết 3	AV3A	16	41-56	D32	Nguyễn Thị Cẩm Vân		
		AV3B	20	41-60				
	Nhập môn Việt Nam học	DL3	40	1-40	D33	Khoa Năng Lập		
			40	41-80	D34	Khoa Năng Lập		
			40	81-120	D35	Khoa Năng Lập		
			39	121-159	D36	Khoa Năng Lập		
Nguyên lý kế toán	CĐKT3A	77	40	1-40	B1	Thái Thị Bích Trân Trương Văn Sang		
			37	41-77	B2	Thái Thị Bích Trân Trương Văn Sang		
Nguyên lý kế toán	CĐKT3B	98	50	1-50	B3	Thái Thị Bích Trân Trương Văn Sang		

Thứ Ba 26/01/10	13g- 15g	Nguyên lý kế toán	CDK15B	70	48	51-98	B4	Thái Thị Bích Trân Trương Văn Sang				
		Toán kinh tế	CDQT3A	78	40	1-40	B5	Nguyễn P. Thanh Nam				
					38	41-78	B6	Nguyễn P. Thanh Nam				
		Toán kinh tế	CDQT3B	100	50	1-50	B7	Phan Thị Ngọc Khuyên				
					50	51-100	B8	Phan Thị Ngọc Khuyên				
		Nhập môn điện tử học	CĐTH3	99	50	1-50	C1	Đỗ Chí Tâm				
					49	51-49	C2	Đỗ Chí Tâm				
		Vi tích phân A2	CĐXD3	79	40	1-40	C3	Nguyễn Như Lâm				
					39	41-79	C4	Nguyễn Như Lâm				
		Thứ Ba 26/01/10	15g- 17g	Tâm lý xã hội và giao tiếp sư phạm	VH3		40	1-40	B1	Phạm Thị Năm		
				Tâm lý xã hội và giao tiếp sư phạm			40	41-80	B2	Phạm Thị Năm		
				Tâm lý xã hội và giao tiếp sư phạm	VH3		33	81-113	B3	Phạm Thị Năm		
Rèn luyện kỹ năng văn hóa	TCDL3				12	1-12						
Thuế	TCKT3A			82	40	1-40	B4	Lương Văn Cầu				
					42	41-82	B5	Lương Văn Cầu				
Thuế	TCKT3B			86	45	1-40	B6	Lương Văn Cầu				
		41	46-86		B7	Lương Văn Cầu						

		Hệ điều hành	TCTH3	88	45	1-45	B8	Lâm Thị Ngọc Châu		
					43	46-88	C1	Lâm Thị Ngọc Châu		
Thứ Năm 28/01/10	7g-9g	Xác suất thống kê	NH3A	151	50	1-50	B1	Ts. Tô Anh Dũng		
					50	51-100	B2	Ts. Tô Anh Dũng		
					51	101-151	B3	Ts. Tô Anh Dũng		
		Xác suất thống kê	NH3B	164	50	1-50	B4	Ts. Tô Anh Dũng		
					50	51-100	B5	Ts. Tô Anh Dũng		
					50	101-150	B6	Ts. Tô Anh Dũng		
	Xác suất thống kê	NH3C	134	50	1-50	B7	Trương Thị Mỹ Dung			
				50	51-100	B8	Trương Thị Mỹ Dung			
			Xác suất thống kê	NH3C		34	101-134	C1	Trương Thị Mỹ Dung	
7g-9g	Xác suất thống kê	QT3A	140	50	1-50	C2	Ts. Tô Anh Dũng			
				50	51-100	C3	Ts. Tô Anh Dũng			
				40	101-140	C4	Ts. Tô Anh Dũng			
				45	1-45	C5	Ts. Tô Anh Dũng			
	Xác suất thống kê	QT3B	130	45	46-90	A15	Ts. Tô Anh Dũng			
				40	91-130	A16	Ts. Tô Anh Dũng			

Thứ Năm 28/01/10	Xác suất thống kê	QT3C	108	40	1-40	D31	Lê Văn Nhất			
				40	41-80	D32	Lê Văn Nhất			
		NH3B		14	151-164	D33	Ts. Tô Anh Dũng			
		QT3C		28	81-108		Lê Văn Nhất			
	Sinh học đại cương A2	NTTS3	136	45	1-45	D34	Nguyễn Xuân Linh			
				45	46-90	D35	Nguyễn Xuân Linh			
				46	91-136	D36	Nguyễn Xuân Linh			
	9g- 11g	Xác suất thống kê	KT3A	129	45	1-45	B1	Lê Văn Nhất		
					45	46-90	B2	Lê Văn Nhất		
					39	91-129	B3	Lê Văn Nhất		
Xác suất thống kê		KT3B	92	45	1-45	B4	La Thuận Bửu			
				47	46-92	B5	La Thuận Bửu			
				Xác suất thống kê	KT3C	123	45	1-40	B6	Lê Văn Nhất
45	41-80	B7	Lê Văn Nhất							
33	81-123	B8	Lê Văn Nhất							
Xác suất thống kê	ĐT3	55	40	1-40	C1	La Thuận Bửu				
Xác suất thống kê	TH3	75	40	1-40	C2	La Thuận Bửu				
Xác suất thống kê	ĐT3		15	41-55	C3	La Thuận Bửu				
	TH3		35	41-75						

Thứ Năm 28/01/10	9g- 11g	Xác suất thống kê	XD3	98	50	1-50	C4	Nguyễn Như Lân		
					48	51-48	C5	Nguyễn Như Lân		
		Văn học nước ngoài 1	VH3	113	40	1-40	A15	Lê Ngọc Thúy		
					40	41-80	A16	Lê Ngọc Thúy		
					33	81-113	D31	Lê Ngọc Thúy		
		Văn học thế giới 2	DL3	159	40	1-40	D32	Trần Văn Thịnh Phạm Hoàng Nghĩa		
	40				41-80	D33	Trần Văn Thịnh Phạm Hoàng Nghĩa			
	40				81-120	D34	Trần Văn Thịnh Phạm Hoàng Nghĩa			
	39				121-159	D35	Trần Văn Thịnh Phạm Hoàng Nghĩa			
	13g- 15g	Xác suất thống kê	CĐKT3A	77	40	1-40	B1	La Thuận Bửu		
					37	41-77	B2	La Thuận Bửu		
	13g- 15g	Xác suất thống kê	CĐKT3B	98	50	1-50	B3	Trương Thị Mỹ Dung		
					48	51-98	B4	Trương Thị Mỹ Dung		
		Xác suất thống kê	CĐQT3A	78	40	1-40	B5	La Thuận Bửu		
38					41-78	B6	La Thuận Bửu			
Xác suất thống kê		CĐQT3B	100	50	1-50	B7	Lê Văn Nhất			
				50	51-100	B8	Lê Văn Nhất			

Thứ Năm 28/01/10	15g- 17g	Xác suất thống kê	CĐTH3	99	50	1-50	B1	Nguyễn Như Lân		
					49	51-49	B2	Nguyễn Như Lân		
		Xác suất thống kê	CĐXD3	79	40	1-40	B3	Lê Văn Nhất		
					39	41-79	B4	Lê Văn Nhất		
		Ngữ pháp 3	AV3A	56	40	1-40	B5	Nguyễn Hiệp Thanh Nga		
		Ngữ pháp 3	AV3B	60	40	1-40	B6	Nguyễn Hiệp Thanh Nga		
		Ngữ pháp 3	AV3A		16	41-56	B7	Nguyễn Hiệp Thanh Nga		
			AV3B		20	41-60				
		Mạng máy tính	TCTH3	88	45	1-45	B8	Nguyễn Minh Hiếu		
					43	46-88	A16	Nguyễn Minh Hiếu		
Thứ Bảy 30/01/10	7g-9g	Lịch sử các học thuyết KT	NH3A	151	50	1-50	B1	Ngô Đức Hồng		
					50	51-100	B2	Ngô Đức Hồng		
					51	101-151	B3	Ngô Đức Hồng		
		Lịch sử các học thuyết KT	NH3B	164	50	1-50	B4	Ngô Đức Hồng		
					50	51-100	B5	Ngô Đức Hồng		
					50	101-150	B6	Ngô Đức Hồng		
		Lịch sử các học thuyết KT	NH3C	134	50	1-50	B7	Lê Thị Đào Thanh		
					50	51-100	B8	Lê Thị Đào Thanh		

Thứ Bảy 30/01/10	7g-9g	Lịch sử các học thuyết KT	QT3A	140	34	101-134	C1	Lê Thị Đào Thanh		
					50	1-50	C2	Lê Thị Đào Thanh		
					50	51-100	C3	Lê Thị Đào Thanh		
					40	101-140	C4	Lê Thị Đào Thanh		
		Lịch sử các học thuyết KT	QT3B	130	45	1-45	C5	Lê Thị Đào Thanh		
					45	46-90	A15	Lê Thị Đào Thanh		
					40	91-130	A16	Lê Thị Đào Thanh		
		Lịch sử các học thuyết KT	QT3C	108	40	1-40	D31	Lê Thị Đào Thanh		
	40				41-80	D32	Lê Thị Đào Thanh			
	Lịch sử các học thuyết KT	NH3B	108	14	151-164	D33	Ngô Đức Hồng			
		QT3C		28	81-108		Lê Thị Đào Thanh			
	9g-11g	Lịch sử các học thuyết KT	KT3A	129	45	1-45	B1	Trần Văn Hiếu		
					45	46-90	B2	Trần Văn Hiếu		
					39	91-129	B3	Trần Văn Hiếu		
	Lịch sử các học thuyết KT	KT3B	92	45	1-45	B4	Trần Văn Hiếu			
				47	46-92	B5	Trần Văn Hiếu			
	Lịch sử các học thuyết KT	KT3C	123	45	1-40	B6	Trần Văn Hiếu			
				45	41-80	B7	Trần Văn Hiếu			

Thứ Bảy 30/01/10	9g- 11g			33	81-123	B8	Trần Văn Hiếu			
		Linh kiện điện tử	ĐT3	55	40	1-40	C1	Đặng Văn Sơn		
		Lập trình căn bản A	TH3	75	40	1-40	C2	Lương Lễ Nhân		
		Linh kiện điện tử	ĐT3		15	41-55	C3	Đặng Văn Sơn		
		Lập trình căn bản A	TH3	35	41-75	Lương Lễ Nhân				
		Cơ lý thuyết xây dựng	XD3	98	50	1-50	C4	Nguyễn Văn Căn		
					48	51-48	C5	Nguyễn Văn Căn		
		Tâm lý học lứa tuổi	VH3	113	40	1-40	A15	Phạm Thị Năm		
					40	41-80	A16	Phạm Thị Năm		
					33	81-113	D31	Phạm Thị Năm		
		Địa lý Việt Nam	DL3	159	40	1-40	D32	Dương Thanh Xuân		
					40	41-80	D33	Dương Thanh Xuân		
					40	81-120	D34	Dương Thanh Xuân		
					39	121-159	D35	Dương Thanh Xuân		
		Lập trình căn bản A	CĐTH3	99	50	1-50	B1	Phạm T. Cẩm Tú		
49	51-49				B2	Phạm T. Cẩm Tú				
Cơ lý thuyết xây	CĐXD3		70	40	1-40	B3	Nguyễn Văn Căn			

Thứ Bảy 30/01/10	13g- 15g	dụng	CDAD3	17	39	41-79	B4	Nguyễn Văn Căn		
		Đọc hiểu 3	AV3A	56	40	1-40	B5	Châu Thanh Hải		
		Đọc hiểu 3	AV3B	60	40	1-40	B6	Châu Thanh Hải		
		Đọc hiểu 3	AV3A		16	41-56	B7	Châu Thanh Hải		
			AV3B	20	41-60					
	Địa lý Việt Nam	TCDL3	12	12	1-12		Dương Thanh Xuân			
	15g- 17g	Kế toán ngân sách	TCKT3A	82	40	1-40	B1	Đặng Thị Thảo Triều		
					42	41-82	B2	Đặng Thị Thảo Triều		
		Kế toán ngân sách	TCKT3B	86	45	1-40	B3	Đặng Thị Thảo Triều		
					41	46-86	B4	Đặng Thị Thảo Triều		
Lập trình hướng đối tượng C++		TCTH3	88	45	1-45	B5	Lê Thanh Trúc			
				43	46-88	B6	Lê Thanh Trúc			
Thứ Ba 02/02/10	7g-9g	Lý thuyết tài chính tiền tệ	NH3A	151	50	1-50	B1	Trần Thị Thanh Phương		
					50	51-100	B2	Trần Thị Thanh Phương		
					51	101-151	B3	Trần Thị Thanh Phương		
		Lý thuyết tài chính tiền tệ	NH3B	164	50	1-50	B4	Trần Thị Thanh Phương		
					50	51-100	B5	Trần Thị Thanh Phương		
					50	101-150	B6	Trần Thị Thanh		

				50	101-150	D0	Phuong			
Thứ Ba 02/02/10	7g-9g	Lý thuyết tài chính tiền tệ	NH3C	134	50	1-50	B7	Trần Thị Thanh Phuong		
					50	51-100	B8	Trần Thị Thanh Phuong		
					34	101-134	C1	Trần Thị Thanh Phuong		
		Lý thuyết tài chính tiền tệ	QT3A	140	50	1-50	C2	Trần Ái Kết		
					50	51-100	C3	Trần Ái Kết		
					40	101-140	C4	Trần Ái Kết		
		Lý thuyết tài chính tiền tệ	QT3B	130	45	1-45	C5	Trần Ái Kết		
					45	46-90	A15	Trần Ái Kết		
					40	91-130	A16	Trần Ái Kết		
		Lý thuyết tài chính tiền tệ	QT3C	108	40	1-40	D31	Trần Ái Kết		
					40	41-80	D32	Trần Ái Kết		
		Lý thuyết tài chính tiền tệ	NH3B	108	14	151-164	D33	Trần Thị Thanh Phuong		
			QT3C		28	81-108		Trần Ái Kết		
Hoá vô cơ, hữu cơ ĐC	NTTS3	136	45	1-45	D34	Lê Thị Thu Phuong				
			45	46-90	D35	Lê Thị Thu Phuong				
	7g-9g	Hoá vô cơ, hữu cơ ĐC	NTTS3	46	91-136	D36	Lê Thị Thu Phuong			
				45	1-45	D1	Phan Đình Lâm			

Thứ Ba 02/02/10	9g- 11g	Lý thuyết tài chính tiền tệ	KT3A	129	45	46-90	B2	Phan Tùng Lâm		
					39	91-129	B3	Phan Tùng Lâm		
					45	1-45	B4	Phan Tùng Lâm		
		Lý thuyết tài chính tiền tệ	KT3B	92	47	46-92	B5	Phan Tùng Lâm		
					45	1-40	B6	Phan Tùng Lâm		
		Lý thuyết tài chính tiền tệ	KT3C	123	45	41-80	B7	Phan Tùng Lâm		
					33	81-123	B8	Phan Tùng Lâm		
					40	1-40	C1	Huỳnh Quốc Trung		
		Vật lý lượng tử	ĐT3	55	40	1-40	C1	Huỳnh Quốc Trung		
		Vật lý lượng tử	TH3	75	40	1-40	C2	Huỳnh Quốc Trung		
		Vật lý lượng tử	ĐT3		15	41-55	C3	Huỳnh Quốc Trung		
			TH3		35	41-75		Huỳnh Quốc Trung		
		Ngữ âm tiếng Việt	VH3	113	40	1-40	C4	Nguyễn Thúy Diễm		
					40	41-80	C5	Nguyễn Thúy Diễm		
					33	81-113	A15	Nguyễn Thúy Diễm		
Kỹ năng giao tiếp	DL3	159	40	1-40	A16	Phạm Thị Năm				
			40	41-80	D31	Phạm Thị Năm				
			40	81-120	D32	Phạm Thị Năm				
9g-	Kỹ năng giao tiếp	DL3								

Thứ Ba 02/02/10	11g	Ny nang giao ucp	DLS		39	121-159	D33	Phạm Thị Năm			
	13g- 15g	Lý thuyết tài chính tiền tệ	CĐKT3A	77	40	1-40	B1	Huỳnh Thị Đoan Hạnh			
					37	41-77	B2	Huỳnh Thị Đoan Hạnh			
		Lý thuyết tài chính tiền tệ	CĐKT3B	98	50	1-50	B3	Huỳnh Thị Đoan Hạnh			
					48	51-98	B4	Huỳnh Thị Đoan Hạnh			
		Lý thuyết tài chính tiền tệ	CĐQT3A	78	40	1-40	B5	Huỳnh Thị Đoan Hạnh			
					38	41-78	B6	Huỳnh Thị Đoan Hạnh			
		Lý thuyết tài chính tiền tệ	CĐQT3B	100	50	1-50	B7	Huỳnh Thị Đoan Hạnh			
					50	51-100	B8	Huỳnh Thị Đoan Hạnh			
		15g- 17g	Vật lý lượng tử	CĐTH3	99	50	1-50	B1	Huỳnh Quốc Trung		
						49	51-49	B2	Huỳnh Quốc Trung		
	Thị Trường chứng khoán		TCKT3A	82	40	1-40	B3	Trần Thị Thanh Phuong			
					42	41-82	B4	Trần Thị Thanh Phuong			
	Thị Trường chứng khoán		TCKT3B	86	45	1-40	B5	Trần Thị Thanh Phuong			
					41	46-86	B6	Trần Thị Thanh Phuong			
	Thiết kế và cài đặt mạng		TCTH3	88	45	1-45	B7	Nguyễn Chí Cường			
	Thứ Ba		15g-		Thiết kế và cài đặt mạng	TCTH3	43	46-88	D0	Nguyễn Chí Cường	

02/02/10	17g	Tổng quan du lịch Việt Nam	TCDL3	12	12	1-12	Do	Dương Thanh Xuân		
Thứ Năm 04/02/10	7g-9g	Từ vựng tiếng Việt	VH3	113	40	1-40	B1	Nguyễn Minh Ca		
					40	41-80	B2	Nguyễn Minh Ca		
					33	81-113	B3	Nguyễn Minh Ca		
		Lập trình Web	TCTH3	88	45	1-45	B4	Lâm Tấn Phương		
					43	46-88	B5	Lâm Tấn Phương		
		9g-11g	Lịch sử Việt Nam 2	DL3	159	40	1-40	B1	Lê Thị Mai Hương	
	40					41-80	B2	Lê Thị Mai Hương		
	40					81-120	B3	Lê Thị Mai Hương		
	39					121-159	B4	Lê Thị Mai Hương		

Cần Thơ, ngày 30 tháng 12 năm 2009
 Phòng Đào tạo
 P. Trưởng Phòng

Lê Phú Nguyên Hải